

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Cường

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1070/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tăng Q, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020; bản tự khai ngày 07/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Tăng Q tự nguyện quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 13/01/2009, bà H và ông Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyền số 01/2009. Quá trình sống chung, thời gian đầu hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nhận thấy, hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, bà H có đơn khởi kiện ly hôn ông Q.

Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2007 và Nguyễn Tăng Tiến Đ, sinh ngày 24/6/2012. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thảo V. Ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tăng Tiến Đ. Bà H và ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/01/2021 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/3/2021, bị đơn ông Nguyễn Tăng Q trình bày:

Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông Q và bà H kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyền số 01/2009. Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2007 và Nguyễn Tăng Tiến Đ, sinh ngày 24/6/2012. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông Q đồng ý ly hôn. Về con chung thì ông Q đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Thảo V cho bà H nuôi dưỡng, ông Q nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tăng Tiến Đ. Bà H và ông Q không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và ông Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Q theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Q. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung thì giữa bà H và ông Q cũng thống nhất thỏa thuận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị H khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với ông Nguyễn Tăng Q. Bà H và ông Q có địa chỉ tại số Số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và ông Q có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H và ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tăng Q tự nguyện tìm hiểu nhau, rồi tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyền số 01/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nhận thấy, hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H có đơn khởi kiện ly hôn ông Q. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trước yêu cầu ly hôn của bà H, ông Q đồng ý ly hôn. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông Q cùng xác định có 02 con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2007 và Nguyễn Tăng Tiến Đ, sinh ngày 24/6/2012. Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Q thống nhất khi ly hôn, bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thảo V, ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tăng Tiến Đ. Bà H và ông Q không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, cháu Nguyễn Thị Thảo V có nguyện vọng sống cùng với mẹ Trần Thị H và tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, cháu Nguyễn Tăng Tiến Đ có nguyện vọng sống cùng với cha Nguyễn Tăng Q. Do đó, việc thỏa thuận về nuôi con chung của bà H và ông Q là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Tăng Q về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Tăng Q.

- Về con chung: Bà Trần Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2007. Ông Nguyễn Tăng Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tăng Tiến Đ, sinh ngày 24/6/2012. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tăng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Trần Thị H hoặc ông Nguyễn Tăng Q lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần Thị H hoặc ông Nguyễn Tăng Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tăng Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tăng Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049087, ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tăng Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

